

Số: 179/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phân bổ dự toán vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương  
năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển  
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH  
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ  
quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -  
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai  
đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5  
năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương  
năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ  
Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân  
sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình  
mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và  
miền núi;*

*Trên cơ sở Nghị quyết số 128/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí,  
định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách  
địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội  
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025, trên địa bàn  
tỉnh Hòa Bình;*

*Xét Tờ trình số 144 /TTr-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Hòa Bình về dự thảo Nghị quyết phân bổ dự toán kinh phí sự  
nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu  
quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;  
Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*



**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phân bổ dự toán vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, như sau:

1. Tổng số kinh phí: 149.025 triệu đồng (*Một trăm bốn mươi chín tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu đồng*)

2. Chi tiết phân bổ dự toán kinh phí

a) Phân bổ dự toán kinh phí cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh: 38.078 triệu đồng.

(*Biểu số 01 kèm theo*)

b) Phân bổ dự toán kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố: 110.947 triệu đồng.

(*Biểu số 02 kèm theo*)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về số liệu của Nghị quyết; định kỳ đánh giá và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Khoá XVII, Kỳ họp thứ 09 thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH& HĐND tỉnh;
- TT Tin học và công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hoà Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND.



**Bùi Đức Hình**



Handwritten text or markings in the lower-right quadrant, appearing to be a signature or set of initials.

## PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số kinh phí ngân sách trung ương năm 2022	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú	
										5
A	B	1								11
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38,078</b>	<b>23,925</b>	<b>1,666</b>	<b>3,766</b>	<b>1,700</b>	<b>2,453</b>	<b>4,568</b>		
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	2,200	2,200							
2	Sở Văn hóa, thể thao du lịch	1,666		1,666						
3	Sở Lao động, thương binh - xã hội	16,275	16,275							
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	750	720					30		
5	Sở Y tế	4,396	630		3,766					
6	Sở Thông tin truyền thông	50						50		
7	Sở Tư pháp	50						50		
8	Công an tỉnh	50						50		
9	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	100						100		
10	Văn Phòng Tỉnh ủy (Ban Dân vận Tỉnh ủy)	50						50		
11	Văn Phòng Tỉnh ủy (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)	30						30		
12	Tỉnh đoàn Thanh niên	30						30		
13	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh	150						150		
14	Báo Hòa Bình	88						88		



STT	Đơn vị	Tổng số kinh phí ngân sách trung ương năm 2022	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	5	6	7	8	9	10	11
15	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1,700							
16	Hội Nông dân tỉnh	750	700			1,700			
17	Liên minh các HTX tỉnh	1,000	1,000						50
18	Ban Dân tộc tỉnh	8,743	2,400				2,453		3,890

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**





**PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Phân bổ cho các dự án của Chương trình										Chí chủ
		Tổng số kinh phí ngân sách trung ương năm 2022	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc con nhiều khó khăn	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát danh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110,947</b>	<b>19,044</b>	<b>46,324</b>	<b>7,797</b>	<b>25,840</b>	<b>2,280</b>	<b>0</b>	<b>6,304</b>	<b>2,400</b>	<b>958</b>	
1	Huyện Đà Bắc	22,340	3,860	11,718	1,482	3,390	300		1,109	379	102	
2	Huyện Mai Châu	13,493	924	8,368	899	2,030	150		732	296	94	
3	Huyện Tân Lạc	14,172	1,510	7,654	1,090	2,335	300		886	287	110	
4	Huyện Lạc Sơn	20,069	5,892	6,917	1,650	3,320	300		1,346	467	177	
5	Huyện Kim Bôi	17,119	2,640	7,222	1,299	4,120	300		1,107	314	117	
6	Huyện Yên Thủy	8,768	2,338	1,485	501	3,480	300		409	176	79	
7	Huyện Cao Phong	5,447	1,115	2,273	480	830	150		392	139	68	
8	Huyện Lạc Thủy	2,129	555	336	292	435	150		238	74	49	
9	Huyện Lương Sơn	2,254	0	0	0	1,920	150		0	102	82	
10	Thành phố Hoà Bình	5,156	210	351	104	3,980	180		85	166	80	

